

Số: 978/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật Giao thông tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 102 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 08 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	K59 2017 - 2021	Cộng
1	Khoa học hàng hải	02	-	06	08
2	Kỹ thuật ô tô	03	04	75	82
3	Kỹ thuật tàu thủy	01	01	10	12

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K59 2017-2020	K60 2018-2021	Cộng
1	Kỹ thuật ô tô	03	05	08

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Kỹ thuật Giao thông và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 978 /QĐ-ĐHNT ngày 20 tháng 9 năm 2021

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130806	Trần Trọng Khôi	26/09/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
2	57135004	Hồ Minh Nhựt	10/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.KHHH	2015-2019
3	59134148	Cao Việt Đức	17/3/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	59.KHHH	2017-2021
4	59134149	Lê Hoàng Đức	04/06/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KHHH	2017-2021
5	59134153	Nguyễn Hữu Huy	15/12/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.KHHH	2017-2021
6	59131960	Nguyễn Xuân Phương	06/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KHHH	2017-2021
7	59136097	Phạm Ngọc Thiện	10/02/1997	Phú Yên	Nam	Khá	59.KHHH	2017-2021
8	59134169	Nguyễn Trọng Vũ	19/09/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.KHHH	2017-2021

Danh sách có 08 sinh viên

2. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131872	Nguyễn Văn Hùng	20/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNOT-1	2015-2019
2	57130817	Nguyễn Văn Hiệp	27/07/1996	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
3	57131844	Phan Gia Hưng	12/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNOT-2	2015-2019
4	58131892	Hoàng Phúc Đức	18/04/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
5	58131861	Trương Tuấn Anh	25/12/1998	Đắk Nông	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
6	58131937	Nguyễn Bá Lâm	13/07/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
7	58132048	Lê Viết Trường	03/06/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
8	59130711	Đào Minh Hiếu	20/04/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
9	59130747	Hieu	10/03/1999	Gia Lai	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
10	59130795	Hồ Bá Hoàng	08/10/1999	Nghệ An	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
11	59130938	Bùi Quang Huy	01/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
12	59160857	Nguyễn Trần Diệp	10/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
13	59131089	Dũ Văn Khuê	15/07/1999	Quảng Nam	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
14	59131157	Nguyễn Hoài Lâm	10/04/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
15	59131892	Phan Huỳnh Gia Phúc	14/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
16	59132253	Nguyễn Quốc Thắng	03/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
17	59132284	Lê Tấn Thành	22/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
18	59132382	Bùi Minh Thiên	15/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
19	59132606	Nguyễn Chí Tiến	26/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
20	59132858	Nguyễn Kim Trọng	30/10/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
21	59132882	Khuong Quốc Trung	26/10/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
22	59132972	Nguyễn Thanh Tùng	15/05/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
23	59133091	Đoàn Anh Vạn	06/04/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-1	2017-2021
24	59133127	Phan Kim Bá Việt	06/07/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-1	2017-2021
25	59130149	Hồ Văn Cảnh	09/06/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
26	59136267	Nguyễn Văn Công	24/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
27	59130268	Nguyễn Tấn Đạt	10/08/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
28	59130405	Đỗ Minh Dũng	19/04/1999	Kon Tum	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
29	59130743	Phạm Minh Hiếu	17/08/1999	Đắk Lắk	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
30	59130771	Phạm Đình Hòa	29/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
31	59130872	Nguyễn Viết Hưng	28/08/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
32	59130935	Nguyễn Thanh Huy	09/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
33	59130962	Phạm Văn Huy	28/11/1999	Đắk Lắk	Nam	Giỏi	59.CNOT-2	2017-2021
34	59131022	Hàng Hoàng Tuấn	02/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
35	59131039	Võ Duy Khánh	21/04/1999	Quảng Ngãi	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
36	59131097	Nguyễn Hồng Kiên	20/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
37	59131165	Nguyễn Khắc Lâm	17/02/1999	Kon Tum	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
38	59131332	Phạm Đăng Luân	19/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
39	59131739	Nguyễn Thành Nhơn	18/03/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
40	59131860	Lê Văn Phong	24/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
41	59131875	Phạm Đình Phú	17/12/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
42	59131905	Nguyễn Gia Phúc	18/06/1999	Gia Lai	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
43	59131919	Nguyễn Hoàng Thiên Phước	28/06/1999	Lâm Đồng	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
44	59132115	Nguyễn Văn Hoàng Sang	16/12/1999	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
45	59132157	Phan Tấn Tài	24/03/1998	Bình Định	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
46	59132288	Lương Tấn Thành	21/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
47	59132483	Nguyễn Thị Mỹ Thư	14/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.CNOT-2	2017-2021
48	59132516	Nguyễn Văn Thuận	20/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
49	59132521	Nguyễn Bá Thục	06/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
50	59132911	Trần Thanh Trường	23/01/1999	Quảng Nam	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
51	59132982	Nguyễn Duy Tùng	27/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-2	2017-2021
52	59133162	Tô Hoàng Vũ	15/09/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
53	59133169	Nguyễn Thanh Vũ	03/02/1999	Bình Thuận	Nam	Trung bình	59.CNOT-2	2017-2021
54	59130081	Võ Tấn Ánh	03/05/1999	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
55	59130104	Nguyễn Nhân Thế Bảo	08/05/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
56	59130213	Huỳnh Minh Cường	17/08/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
57	59130245	Bùi Hải Đăng	16/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
58	59130354	Vũ Trung Đức	23/04/1999	Nam Định	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
59	59130411	Trần Hải Dương	08/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
60	59130720	Trần Trung Hiếu	04/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
61	59136212	Đào Văn Hiếu	10/02/1999	Quảng Nam	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
62	59130792	Nguyễn Ngọc Hoang	16/04/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
63	59130858	Thái Văn Hùng	15/05/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
64	59130936	Nguyễn Văn Huy	27/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
65	59131045	Phạm Duy Khánh	19/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
66	59131071	Lê Đăng Khoa	26/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
67	59131083	Trần Đăng Khôi	17/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.CNOT-3	2017-2021
68	59131101	Nguyễn Hữu Kiên	13/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
69	59131143	Nguyễn Văn Lai	21/06/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
70	59131409	Lương Gia Cát Minh	28/08/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
71	59131810	Phạm Văn Niên	20/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
72	59131852	Phạm Thế Phi	26/02/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
73	59131870	Nguyễn Quốc Phong	07/03/1999	Gia Lai	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
74	59131880	Nguyễn Đức Phú	17/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
75	59132006	Phan Ái Quốc	19/05/1999	Tây Ninh	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021

Handwritten signature/initials.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
76	59132107	Nguyễn Thái Sang	12/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
77	59132298	Đỗ Hoàng Thao	26/04/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
78	59132512	Nguyễn Đức Thuận	12/08/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
79	59132599	Lê Tiên	10/02/1999	Bình Thuận	Nam	Khá	59.CNOT-3	2017-2021
80	59132849	Nguyễn Minh Trình	20/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
81	59132880	Lê Quang Trung	31/10/1999	Quảng Trị	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021
82	59133126	Nguyễn Văn Việt	04/08/1999	Bình Định	Nam	Trung bình	59.CNOT-3	2017-2021

Danh sách có 82 sinh viên

3. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57137305	Phùng Minh Đức	15/10/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.KTTT-2	2015-2019
2	58132385	Nguyễn Thanh Huy	02/03/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
3	59130357	Đỗ Hoài Đức	13/07/1999	Quảng Ngãi	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
4	59130398	Trần Quốc Dũng	17/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
5	59130419	Phan Bình Dương	03/06/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
6	59130494	Nguyễn Lương Giang	22/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
7	59130635	Đỗ Hữu Hào	10/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
8	59131300	Huỳnh Tấn Lộc	13/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.KTTT	2017-2021
9	59131574	Lê Hữu Nghĩa	19/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.KTTT	2017-2021
10	59136078	Hà Anh Quốc	20/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.KTTT	2017-2021
11	59132105	Nguyễn Minh Sang	08/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021
12	59132250	Nguyễn Quốc Thắng	20/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.KTTT	2017-2021

Danh sách có 12 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 978/QĐ-ĐHNT ngày 20 tháng 9 năm 2021

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59160971	Lê Công Thiện	28/03/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
2	59160885	Hàng Quốc Lộc	08/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
3	59169322	Phan Quang Quốc	22/08/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
4	60161793	Nguyễn Thanh Huy	11/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-1	2018-2021
5	60160966	Ngô Thượng Hoàng Sơn	11/07/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-1	2018-2021
6	60161984	Nguyễn Trung Tính	08/02/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-1	2018-2021
7	60160479	Nguyễn Quốc Khiêm	20/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021
8	60160490	Dương Gia Khôi	14/07/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.CNOT-3	2018-2021

Danh sách có 08 sinh viên

Handwritten signature